

QUY CHẾ

Hoạt động của HĐND xã Mỹ Yên khóa XX, nhiệm kỳ 2021- 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26/7/2021)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) xã, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, các mối quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND xã, Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã, đại biểu HĐND xã Mỹ Yên khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã, các đại biểu HĐND xã Mỹ Yên khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HĐND xã

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Chương II

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 3. Trách nhiệm của đại biểu HĐND xã

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của HĐND xã; trường hợp không tham dự được thì phải có lý do báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND xã. Trường hợp đại biểu HĐND xã không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do hoặc vi phạm pháp luật bị truy cứu thì Thường trực HĐND xã phải báo cáo HĐND xã để bãi nhiệm đại biểu HĐND xã theo quy định.

2. Trong kỳ họp HĐND xã, đại biểu HĐND xã có những nhiệm vụ sau đây:

- a) Nghiêm túc chấp hành nội quy kỳ họp;
- b) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp;
- c) Tham gia thảo luận tại phiên họp toàn thể, thảo luận ở Tổ thảo luận, Tổ đại biểu HĐND xã về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.
- d) Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Đại biểu HĐND xã có thể biểu quyết tán thành hoặc không tán thành.

3. Hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của đại biểu HĐND xã được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia giám sát theo chương trình giám sát của HĐND xã; chương trình, kế hoạch giám sát của Thường trực HĐND xã; các Ban HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã. Chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri.

5. Đại biểu HĐND xã phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với HĐND xã và cơ quan nhà nước hữu quan trên địa bàn xã.

a) Tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri tại đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu trước và sau kỳ họp HĐND xã theo kế hoạch của Thường trực HĐND xã, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc (viết tắt là UBMTTQ) xã và Tổ đại biểu HĐND xã. Trong trường hợp không thể tham gia tiếp xúc cử tri, thì đại biểu HĐND xã báo cáo với Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND xã hoặc Ban Thường trực UBMTTQ cấp xã nơi đại biểu được bầu.

b) Tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri theo Kế hoạch của Thường trực HĐND xã.

c) Đại biểu HĐND xã cũng có thể tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc hoặc trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu HĐND xã và Thường trực HĐND xã để tổng hợp báo cáo HĐND xã, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

d) Trong trường hợp xét thấy cần thiết, đại biểu HĐND xã có thể tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri gửi tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đồng thời gửi đến Tổ đại biểu HĐND xã (nơi đại biểu sinh hoạt), Thường trực HĐND xã để báo cáo.

đ) Mỗi năm một lần vào cuối năm, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu HĐND xã báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu ra mình về hoạt động trong năm, nhiệm vụ năm tới của mình, của Tổ đại biểu HĐND xã và của HĐND xã.

6. Đại biểu HĐND xã hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba (1/3) thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND xã; thời gian dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND xã được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu làm việc. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu HĐND xã làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu HĐND xã làm nhiệm vụ đại biểu.

7. Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu HĐND xã theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

8. Chủ động xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND xã theo quy định của pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ ngoài kỳ họp phải đeo phù hiệu đại biểu HĐND xã, trong một số trường hợp cần thiết phải xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu HĐND xã.

Điều 4. Quyền của đại biểu HĐND xã

1. Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND), Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND xã, Cán bộ chuyên môn, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND xã. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu HĐND xã chất vấn.

2. Giám sát quyết định của UBND xã và việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

3. Gửi kiến nghị bằng văn bản đến Thường trực HĐND xã trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị để báo cáo HĐND xã xem xét, quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu, kiến nghị tổ chức phiên họp bất thường, phiên họp kín của HĐND xã và kiến nghị những vấn đề khác mà đại biểu HĐND xã thấy cần thiết.

4. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Kiến nghị của đại biểu HĐND xã phải được gửi đến Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã và Thường trực HĐND xã.

5. Yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

7. Được cấp giấy chứng nhận đại biểu HĐND xã; được cấp kính phí hoạt động hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định.

8. Chủ động đề nghị cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND xã theo quy định của pháp luật.

9. Được đề nghị Thường trực HĐND xã xem xét chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu HĐND xã nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Quy định về chất vấn và trả lời chất vấn

1. Chất vấn tại kỳ họp HĐND xã

a) Đại biểu HĐND xã có thể lựa chọn hình thức chất vấn trực tiếp tại kỳ họp hoặc gửi phiếu chất vấn (theo mẫu do Thường trực HĐND xã cung cấp). Phiếu chất vấn phải ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND xã trước phiên họp chất vấn.

b) Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND xã, Thường trực HĐND xã đề nghị HĐND xã quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

c) Thủ trưởng cơ quan hoặc người được chất vấn trả lời chất vấn trực tiếp tại phiên họp toàn thể của HĐND xã hoặc trả lời bằng văn bản (theo quyết định của Chủ tọa kỳ họp) về những vấn đề mà đại biểu đã chất vấn.

Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND xã đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có) và phải lập thành văn bản chuyển đến Thường trực HĐND xã và đại biểu HĐND xã đã chất vấn ngay tại phiên họp. Trình tự chất vấn, thời gian trả lời chất vấn theo quy định tại Nội quy kỳ họp.

d) Người đã trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND xã hoặc đã gửi văn bản trả lời chất vấn cho đại biểu HĐND xã có trách nhiệm báo cáo với HĐND xã bằng văn bản về việc thực hiện những vấn đề đã hứa, tiếp thu, ghi nhận tại kỳ họp trước. Báo cáo được gửi tới Thường trực HĐND xã để chuyển đến các đại biểu HĐND xã chậm nhất là **10 (mười)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của HĐND xã.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND xã, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu HĐND xã gửi chất vấn bằng văn bản đến Thường trực HĐND xã;

b) Thường trực HĐND xã quyết định hình thức trả lời chất vấn.

- Chuyển ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND xã đến người bị chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu HĐND xã

và Thường trực HĐND xã trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến chất vấn. Trong trường hợp không được trả lời hoặc không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu HĐND xã có thể đề nghị Thường trực HĐND xã đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực HĐND xã hoặc kiến nghị Thường trực HĐND xã trình HĐND xã xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

- Tổ chức chất vấn tại Phiên họp của Thường trực HĐND xã. Hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND xã được thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã.

3. Khi cần thiết, HĐND xã có thể ra Nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn. Nội dung nghị quyết phải đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn; thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập; trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân; trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về chất vấn.

Điều 6. Quy định về giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Đại biểu HĐND xã có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của UBND xã và nghị quyết của HĐND.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì đại biểu HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật. Yêu cầu của đại biểu HĐND xã phải được lập thành văn bản gửi tới Thường trực HĐND xã và Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã.

Điều 7. Quy định về giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương

1. Đại biểu HĐND xã thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Tổ đại biểu HĐND xã tổ chức đề đại biểu HĐND xã giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn nơi đại biểu ứng cử.

3. Tổ đại biểu HĐND xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát;

b) Mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Khi tiến hành giám sát, đại biểu HĐND xã có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của

Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu HĐND xã không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết;

c) Chậm nhất là **10 ngày** kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu HĐND xã báo cáo kết quả giám sát với Thường trực HĐND xã.

Điều 8. Quy định về trình tự cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND xã

1. Đại biểu HĐND xã có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định.

2. Việc xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu HĐND xã được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu HĐND xã gửi đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu đến Thường trực HĐND xã;

b) Thường trực HĐND xã trình HĐND xã đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu HĐND xã;

c) HĐND xã thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu HĐND xã. Trước khi biểu quyết thông qua nghị quyết, đại biểu HĐND xã xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu có thể phát biểu ý kiến (nếu đại biểu có mặt tại kỳ họp).

3. Thường trực HĐND xã thông báo cho UBND xã, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu HĐND xã được bầu biết nghị quyết của HĐND xã về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu HĐND xã.

4. Đại biểu HĐND xã thôi làm nhiệm vụ đại biểu kể từ ngày HĐND xã thông qua nghị quyết về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

Điều 9. Quy định về bãi nhiệm đại biểu HĐND xã

1. Đại biểu HĐND xã không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND xã, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân thì bị HĐND xã hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Thường trực HĐND xã quyết định việc đưa ra HĐND xã bãi nhiệm đại biểu HĐND xã hoặc theo đề nghị của UBND xã đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND xã.

3. Trong trường hợp HĐND xã bãi nhiệm đại biểu HĐND xã thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND xã biểu quyết tán thành; đại biểu HĐND xã mất quyền đại biểu kể từ ngày Nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu được thông qua.

4. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND xã thì việc bãi nhiệm

được tiến hành theo trình tự do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

5. Đại biểu HĐND xã đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm chức vụ trong Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã.

Chương III

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 10. Quy định chung về Tổ đại biểu HĐND xã

1. Tổ đại biểu HĐND xã gồm các đại biểu HĐND xã được bầu ở nhiều đơn vị bầu cử trong xã.

2. Tổ đại biểu HĐND xã làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

3. Thường trực HĐND xã chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND xã để điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND xã.

4. Tổ đại biểu HĐND xã căn cứ vào chương trình hoạt động của HĐND xã, Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã, tình hình thực tế của địa phương và ý kiến của cử tri để xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động toàn khóa và hằng năm của Tổ đại biểu HĐND xã; tạo điều kiện cho các đại biểu trong Tổ đại biểu HĐND xã thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND xã.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND xã

1. Xây dựng chương trình hoạt động toàn khóa và hằng năm gửi đến Thường trực HĐND xã, đại biểu HĐND xã và cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác.

2. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã hoặc về các vấn đề do HĐND xã hoặc Thường trực HĐND xã phân công.

3. Tổ chức đề đại biểu HĐND xã tiếp công dân theo quy định.

4. Phối hợp với Thường trực HĐND xã, Ban Thường trực UBMTTQ xã, Ban mặt trận xóm xây dựng kế hoạch và tổ chức cho đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp theo quy định tại Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã.

5. Trước mỗi kỳ họp HĐND xã, tổ chức họp Tổ đại biểu HĐND xã để thảo luận, nghiên cứu tài liệu, đóng góp ý kiến tham gia các nội dung của kỳ họp HĐND xã; phân công đại biểu HĐND xã nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến đóng góp tham gia vào các nội dung của kỳ họp và chất vấn tại kỳ họp HĐND xã.

6. Cuộc họp Tổ đại biểu HĐND xã chậm nhất 5 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp có thể mời Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ xã và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã dự và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND xã.

7. Tổ đại biểu HĐND xã họp để kiểm điểm và xét thi đua hàng năm đối với tập thể và theo nhiệm kỳ đối với cá nhân các đại biểu HĐND xã.

8. Tổ đại biểu HĐND xã định kỳ 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả công tác với Thường trực HĐND xã (Thời hạn trước ngày 30/6 và 30/11 hàng năm).

Điều 12. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND xã

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã được mời tham dự phiên họp xóm các xóm nơi ứng cử.

Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xóm có trách nhiệm điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND xóm; chủ trì phiên họp của Tổ đại biểu HĐND xóm; giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực HĐND xã, UBMTTQ xã, Văn phòng HĐND&UBND xã; Phân công đại biểu HĐND xã tiếp công dân định kỳ tại trụ sở tiếp công dân của xã; phân công đại biểu đại diện Tổ đại biểu HĐND xã tham gia đoàn giám sát của Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã khi giám sát tại địa bàn xóm, nơi đại biểu HĐND xã ứng cử. Quản lý, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã thực hiện thanh quyết toán kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu HĐND xã theo quy định; Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và kết quả công tác với Thường trực HĐND xã theo Quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

2. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND xã giúp việc cho Tổ trưởng, thực hiện những việc được phân công và được uỷ quyền khi Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND xã vắng mặt. Tổng hợp xây dựng dự thảo các văn bản của tổ và ghi biên bản các cuộc họp tổ theo Quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã. Thường trực HĐND xã ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Các thành viên Thường trực HĐND xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND xã trước HĐND xã; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND xã về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND xã phân công.

3. Thường trực HĐND xã họp mỗi tháng ít nhất một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐND xã

1. Triệu tập các kỳ họp của HĐND xã; phối hợp với UBND xã, UBMTTQ xã trong việc chuẩn bị kỳ họp của HĐND xã.

2. Đôn đốc, kiểm tra UBND xã và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương

thực hiện các nghị quyết của HĐND xã.

3. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của HĐND xã; xem xét cho ý kiến vào chương trình giám sát và kết quả giám sát của các Ban của HĐND xã khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

5. Giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND xã; tổng hợp chất vấn của đại biểu HĐND xã để báo cáo HĐND xã.

6. Tổ chức chất vấn hoặc yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình về các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND xã tại phiên họp Thường trực HĐND xã.

7. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và tổ chức để đại biểu HĐND xã tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định.

8. Phối hợp với Ban Thường trực UBND xã tổ chức để đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để báo cáo tại kỳ họp HĐND xã.

9. Phê chuẩn danh sách cho thôi Ủy viên của các Ban của HĐND xã theo đề nghị của Trưởng ban của HĐND xã.

10. Trình HĐND xã lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã, Trưởng ban của HĐND xã; Chủ tịch UBND xã, Phó Chủ tịch UBND xã và Ủy viên UBND xã.

11. Quyết định việc đưa ra HĐND xã hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND xã theo quy định.

12. Xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết; phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình HĐND xã dự thảo nghị quyết.

13. Báo cáo về hoạt động của HĐND xã lên Thường trực HĐND xã và UBND xã.

14. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Thường trực Đảng ủy ủy, Ban thường trực UBND xã; UBND xã; mỗi năm hai lần thông báo cho UBND xã về hoạt động của HĐND xã.

15. Định kỳ 1 năm ít nhất 1 lần, chủ trì tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động với Thường trực HĐND các xã, thị trấn trong xã. Tổ chức học tập kinh nghiệm với các xã bạn trong và ngoài xã.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thường trực HĐND xã thực hiện nhiệm vụ do HĐND xã ủy quyền

Trong thời gian giữa 2 kỳ họp, Thường trực HĐND xã phối hợp với UBND xã giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HĐND xã và

báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất về những vấn đề sau:

1. Quyết định chủ trương danh mục đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của HĐND xã theo Luật đầu tư công.
2. Xem xét, cho ý kiến về việc sử dụng dự phòng ngân sách xã; Việc lập dự toán ngân sách, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; phương án sử dụng tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách xã theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.
3. Xem xét bổ sung các biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện Nghị quyết của HĐND xã.
4. Thực hiện những nhiệm vụ khác được HĐND xã ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã, các Ủy viên của Thường trực HĐND xã

Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã và các Ủy viên của Thường trực HĐND xã thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã Mỹ Yên khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 17. Phiên họp của Thường trực HĐND xã

1. Thường trực HĐND họp thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật mỗi tháng một lần; khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND xã.
2. Chủ tịch HĐND quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND xã; nếu Chủ tịch HĐND xã vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐND xã được Chủ tịch HĐND xã ủy quyền chủ tọa phiên họp.
3. Phiên họp Thường trực HĐND xã gồm Thường trực HĐND xã và lãnh đạo các Ban của HĐND không phải là Ủy viên Thường trực.
4. Đại diện UBND xã, UBMTTQ xã được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND xã khi bàn về vấn đề có liên quan.
5. UBND xã, Ban của HĐND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND xã hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương V

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 18. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban của HĐND xã hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã. Trong thời gian HĐND xã không họp thì báo cáo công tác trước

Thường trực HĐND xã.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước HĐND xã; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của HĐND xã về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Điều 19. Chế độ làm việc

1. Căn cứ Quy chế này, các Ban của HĐND xã phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Căn cứ chương trình hoạt động, chương trình giám sát hằng năm của HĐND xã, Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã xây dựng chương trình công tác tháng, quý, sáu tháng và hằng năm của mình.

3. Các Ban của HĐND xã họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác quý tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND và họp đột xuất khi cần thiết. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban hoặc phó Trưởng ban.

4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban họp mỗi tháng 01 lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác tháng tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND xã và họp đột xuất khi cần thiết.

5. Định kỳ sáu tháng, một năm, báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực HĐND xã tại phiên họp Thường trực HĐND trước khi báo cáo tại kỳ họp giữa năm và kỳ họp cuối năm với HĐND xã.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban HĐND xã

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND xã thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Thẩm tra Báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo nghị quyết liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ban do HĐND xã, Thường trực HĐND xã phân công.

3. Tham gia xây dựng chương trình hoạt động, giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND; tổ chức hoạt động khảo sát, giám sát các nội dung thuộc lĩnh vực; thực hiện theo chương trình hoạt động giám sát đã được HĐND thông qua và sự phân công của Thường trực HĐND xã.

4. Đề xuất với HĐND xã, Thường trực HĐND xã về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

5. Cử thành viên Ban tham gia đoàn công tác, khảo sát, giám sát theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy

viên các Ban HĐND xã

1. Trưởng Ban HĐND xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham gia các hoạt động của Thường trực HĐND xã; thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐND xã phân công.

b) Chỉ đạo, điều hành công việc chung của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành.

c) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban, chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban.

d) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp do UBND xã, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn mời.

e) Tổ chức hoạt động khảo sát, giám sát của Ban theo kế hoạch và theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

g) Trình bày các báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả hoạt động của Ban tại kỳ họp HĐND xã.

h) Đề nghị Thường trực HĐND xã phê chuẩn danh sách hoặc cho thôi làm Ủy viên Ban của HĐND xã.

i) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban của HĐND xã.

2. Phó Trưởng ban HĐND xã giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban theo sự phân công của Trưởng ban; Điều hành các hoạt động của Ban khi Trưởng ban vắng mặt.

3. Các Ủy viên của Ban HĐND xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; thực hiện các nhiệm vụ được Ban phân công. Ủy viên của Ban hoạt động kiêm nhiệm phải dành ít nhất 1/3 thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ của Ban và nhiệm vụ đại biểu HĐND xã.

Điều 22. Thẩm tra các Báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết

1. Các Ban của HĐND xã thẩm tra các Báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết theo sự phân công của HĐND xã hoặc Thường trực HĐND xã.

a) Ban Pháp chế HĐND xã thẩm tra các Báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính, tài nguyên và môi trường ở địa phương.

b) Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã thẩm tra các Báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo ở địa phương; kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, khoa học, công nghệ, dân tộc trên địa bàn xã.

2. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của HĐND xã cử thành viên tham gia nghiên cứu báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; có thể tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

3. Hồ sơ, tài liệu gửi thẩm tra là văn bản giấy gồm:

a) Báo cáo, đề án, tờ trình HĐND xã về dự thảo nghị quyết (chính thức, đã được người có thẩm quyền ký tên, đóng dấu);

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do UBND xã trình; ý kiến của UBND xã và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của UBND xã đối với dự thảo do Ban của HĐND xã hoặc UBMTTQ xã trình;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

đ) Thông báo của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc Ban chấp hành Đảng bộ xã đối với những nội dung phải xin ý kiến theo quy định.

e) Tài liệu khác (nếu có).

4. Phiên họp thẩm tra được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày thuyết trình về nội dung dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận;

e) Các thành viên Ban biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

5. Nội dung thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật:

a) Nội dung của dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau;

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

c) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

d) Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

6. Nội dung báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

7. Quy trình thẩm tra Báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp thường lệ như sau:

a) Chậm nhất là **15 (mười lăm)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, cơ quan, tổ chức, đơn vị trình báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết gửi toàn bộ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Ban của HĐND xã được phân công thẩm tra để thẩm tra.

b) Chậm nhất là **10 (mười)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ban HĐND xã tiến hành tổ chức Hội nghị thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết được phân công. Báo cáo thẩm tra trình tại kỳ họp của Ban HĐND xã được gửi đến Thường trực HĐND xã để báo cáo chậm nhất là **08 (tám)** ngày.

8. Thời gian thực hiện quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo Nghị quyết kỳ họp bất thường bằng 1/3 thời gian quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 23. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban HĐND xã

1. Các Ban của HĐND xã phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan với các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Các Ban của HĐND xã có trách nhiệm phối hợp với các Ban của HĐND huyện khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.

3. Ban của HĐND xã cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực HĐND xã theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

4. UBND xã, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của HĐND xã yêu cầu.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 24. Nguyên tắc giám sát

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.
3. Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 25. Thẩm quyền giám sát

a) HĐND xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; giám sát hoạt động của Thường trực

HĐND xã, UBND xã, và Ban của HĐND xã; giám sát quyết định của UBND xã và việc thực hiện nghị quyết HĐND .

b) Thường trực HĐND xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; giám sát hoạt động của UBND xã, các cơ quan thuộc UBND xã; giám sát quyết định của UBND xã, nghị quyết của HĐND ; giúp HĐND xã thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của HĐND xã.

c) Ban của HĐND xã giúp HĐND xã giám sát hoạt động của UBND xã, các cơ quan thuộc UBND xã thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và theo sự phân công của HĐND xã và Thường trực HĐND xã.

Điều 26. Chương trình giám sát hằng năm

1. Chương trình giám sát hằng năm của HĐND xã được HĐND xã xem xét, quyết định vào kỳ họp cuối năm của năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 30 tháng 10 hằng năm các Ban của HĐND, đại biểu HĐND xã, Ban thường trực UBMTTQ xã và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND xã đến Thường trực HĐND xã. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chậm nhất **30 (ba mươi)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm, Văn phòng HĐND&UBND xã tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND xã.

c) Chậm nhất **15 (mười lăm)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm, Thường trực HĐND xã thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát của HĐND xã để trình HĐND xã xem xét, quyết định.

d) HĐND xã quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- Thường trực HĐND xã trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát;
- HĐND xã thảo luận;
- HĐND xã biểu quyết thông qua Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND xã.

2. Chương trình giám sát hằng năm của Thường trực HĐND xã được HĐND xã xem xét, quyết định vào kỳ họp cuối năm của năm trước theo trình tự sau:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND xã, ý kiến của các thành viên Thường trực HĐND xã, đề nghị của các Ban của HĐND xã, đại biểu HĐND xã, UBMTTQ xã và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương.

Chậm nhất là 30 tháng 10 hàng năm, các Ban của HĐND xã, đại biểu HĐND xã, UBMTTQ xã gửi đến Thường trực HĐND xã đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát năm sau của Thường trực HĐND xã. Đề nghị giám sát phải

nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Văn phòng HĐND&UBND xã tập hợp, tổng hợp đề nghị giám sát trình HĐND xã xem xét, quyết định tại phiên họp cuối năm sau khi đã thống nhất của Thường trực HĐND xã ;

c) Chậm nhất **15 (mười lăm)** ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước, HĐND xã quyết định ban hành chương trình giám sát của năm sau.

d) Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- Văn phòng HĐND&UBND xã trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực HĐND xã;

- HĐND xã thảo luận;

- HĐND thông qua Nghị quyết về chương trình giám sát.

3. Chương trình giám sát hằng năm của các Ban HĐND xã được HĐND xã xem xét, quyết định vào kỳ họp cuối năm của năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm của HĐND xã, Thường trực HĐND xã; phân công của HĐND xã, Thường trực HĐND xã; chương trình hoạt động giám sát của Ban và ý kiến của các thành viên, Ban của HĐND xã xây dựng chương trình giám sát của năm sau trình HĐND xã xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm vào cuối năm trước.

b) Chương trình giám sát hằng năm của Ban HĐND xã phải được báo cáo Thường trực HĐND xã trước khi trình tại kỳ họp HĐND xã.

c) Các Ban của HĐND xã tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát có thể được điều chỉnh.

4. Chương trình giám sát hằng năm của Tổ đại biểu HĐND xã được Thường trực HĐND xã xem xét quyết định theo đề nghị của Tổ đại biểu HĐND xã và được thực hiện theo trình tự sau:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm của HĐND xã, Thường trực HĐND xã; chương trình hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND xã và ý kiến của các thành viên trong Tổ, Tổ đại biểu HĐND xã xây dựng chương trình giám sát của năm sau, báo cáo xin ý kiến của Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm vào cuối năm trước. Tổ đại biểu HĐND xã mỗi năm ít nhất tổ chức một cuộc giám sát chuyên đề không trùng với nội dung giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND xã và các Ban của HĐND xã.

b) Các Tổ đại biểu HĐND xã tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát có thể được điều chỉnh.

5. Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát 6 tháng, một năm của

HĐND xã, của Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã với HĐND xã vào kỳ họp giữa năm và cuối năm của năm sau.

Điều 27. Hoạt động giám sát của HĐND xã

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND xã, UBND xã, và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

3. Xem xét quyết định của UBND xã, nghị quyết của HĐND cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu.

Điều 28. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND xã

1. Xem xét các báo cáo công tác của Thường trực HĐND xã, UBND xã, Tòa án nhân dân xã, Viện kiểm sát nhân dân xã, cơ quan Thi hành án dân sự xã, và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 32 Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND xã.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã.

5. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 29. Hoạt động giám sát của các Ban HĐND xã

1. Thẩm tra các Báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do HĐND xã, Thường trực HĐND xã phân công.

2. Giám sát quyết định của UBND xã, nghị quyết của HĐND cấp xã.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 30. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện

1. Tổ đại biểu HĐND xã

a) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của HĐND xã về các vấn đề do HĐND hoặc Thường trực HĐND phân công.

b) Giám sát chuyên đề.

2. Đại biểu HĐND giám sát thông qua các hoạt động sau.

a) Chất vấn những người bị chất vấn theo quy định

- b) Giám sát quyết định của UBND xã và Nghị quyết của HĐND cấp xã.
- c) Giám sát thi hành pháp luật ở địa phương.
- d) Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 31. Xem xét báo cáo

1. HĐND xã xem xét các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã, UBND xã, Tòa án nhân dân xã, Viện kiểm sát nhân dân xã, Chi cục thi hành án dân sự xã;

b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã, UBND xã, Tòa án nhân dân xã, Viện kiểm sát nhân dân xã;

c) Báo cáo của UBND xã về Kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri;

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực của địa phương và một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.

2. Thời điểm xem xét báo cáo được quy định như sau:

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND xã xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND xã xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời điểm xem xét các báo cáo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.

3. Theo sự phân công của Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã.

4. HĐND xã xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của HĐND xã trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà HĐND xã quan tâm;

d) HĐND xã thảo luận;

đ) HĐND xã có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

Điều 32. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. HĐND xã

a) HĐND xã xem xét quyết định của UBND xã, nghị quyết của HĐND cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.

b) HĐND xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện Thường trực HĐND xã trình bày tờ trình;
- HĐND xã thảo luận.
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- HĐND xã ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

c) Nghị quyết của HĐND xã phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

2. Thường trực HĐND xã

a) Thường trực HĐND xã xem xét quyết định của UBND xã, nghị quyết của HĐND cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã;

- Theo đề nghị của Ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã;
- Theo đề nghị của UBND xã, UBMTTQ xã.

b) Thường trực HĐND xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày;
- Trưởng ban của HĐND xã trình bày báo cáo thẩm tra;
- Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;
- Thường trực HĐND xã thảo luận;
- Chủ tọa cuộc họp kết luận.

d) Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của



HĐND xã thì Thường trực HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực HĐND xã trình HĐND xã xem xét, quyết định.

3. Ban của HĐND xã

a) Ban của HĐND xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của UBND xã và nghị quyết của HĐND cấp xã.

b) Ban Pháp chế HĐND xã có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp và pháp luật. Ban của HĐND xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thuộc lĩnh vực phụ trách.

c) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì các Ban của HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho Ban của HĐND xã biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì Ban của HĐND xã có quyền kiến nghị với Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định.

4. Tổ đại biểu HĐND xã: Tổ đại biểu HĐND xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của UBND xã và nghị quyết của HĐND cấp xã.

Điều 33. Lấy phiếu tín nhiệm

1. HĐND xã lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

- a) Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã, Trưởng Ban của HĐND xã;
- b) Chủ tịch UBND xã, Phó Chủ tịch UBND xã, Ủy viên UBND xã.

2. Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được HĐND xã lấy phiếu tín nhiệm do Quốc hội quy định.

Điều 34. Bỏ phiếu tín nhiệm

1. HĐND xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu trong các trường hợp sau đây:

- a) Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND xã;
- b) Có kiến nghị của UBMTTQ xã;
- c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu

HĐND xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu theo Nghị quyết của Quốc hội.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu HĐND xã đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để HĐND xã bầu có trách nhiệm trình HĐND xã xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

Điều 35. Giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND xã yêu cầu thành viên của UBND xã, Chánh án Tòa án nhân dân xã, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân xã, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự xã và cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực HĐND xã quan tâm.

2. Phiên giải trình được tổ chức công khai và có thể được truyền thanh trực tiếp theo quyết định của Thường trực HĐND xã.

3. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình, trình tự tiến hành phiên giải trình được thực hiện theo hướng dẫn của Thường trực HĐND xã.

4. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND xã về vấn đề đã giải trình; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực HĐND xã báo cáo HĐND xã xem xét, quyết định.

Điều 36. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Thường trực HĐND xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của HĐND giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Ban của HĐND xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương.

3. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường

trực HĐND xã, Ban của HĐND xã và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã trong thời hạn **07 (bảy) ngày** kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 37. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình HĐND xã.

2. UBND xã báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Báo cáo của UBND xã về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND xã thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

3. Thường trực HĐND xã xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện UBND xã trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực HĐND xã thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực HĐND xã chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND xã.

Điều 38. Giám sát chuyên đề

1. HĐND xã, Thường trực HĐND xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát hằng năm.

2. Ban của HĐND xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được HĐND xã, Thường trực HĐND xã giao.

3. Tổ đại biểu HĐND xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm của Tổ đại biểu HĐND xã xây dựng.

Điều 39. Quy trình giám sát chuyên đề

1. Thành lập Đoàn giám sát:

a) HĐND xã ra Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát của HĐND xã do Chủ tịch HĐND xã hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.

b) Thường trực HĐND xã ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của Thường trực HĐND xã do Phó Chủ tịch HĐND xã hoặc Ủy viên của Thường trực



HĐND xã làm Trưởng đoàn.

c) Thường trực HĐND xã ra quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề các Ban HĐND xã và Tổ đại biểu HĐND xã. Quyết định thành lập đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, thành phần đoàn giám sát và cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát

a) Xây dựng kế hoạch, đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là **15 (mười lăm) ngày** kể từ ngày ban hành, nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là **10 (mười) ngày** trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát

- Đối với giám sát chuyên đề của HĐND xã

+ Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân xã xem xét tại kỳ họp gần nhất.

+ Trước khi báo cáo HĐND xã, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực HĐND xã về kết quả giám sát.

- Đối với giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND xã

+ Chậm nhất là **15 (mười lăm) ngày** kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định.

+ Định kỳ 6 tháng, 01 năm, Thường trực HĐND xã có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát với HĐND xã.

- Đối với giám sát chuyên đề của Ban của HĐND xã

Chậm nhất là **10 (mười) ngày** kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của HĐND xã để thảo luận, thống nhất báo cáo Thường trực HĐND xã.

3. Xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát

a) HĐND xã xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

- Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;

- HĐND xã thảo luận: Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

- HĐND xã có thể ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cụ thể như sau:

+ Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập;

+ Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

+ Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

- Nghị quyết giám sát chuyên đề được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực HĐND xã

- Trong thời hạn **7 (bảy) ngày** kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND xã có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

+ Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;

+ Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

+ Thường trực HĐND xã thảo luận: Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;

+ Chủ tọa cuộc họp kết luận: Kết luận của Thường trực HĐND xã được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thường trực HĐND xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

- Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND xã đề nghị HĐND xã xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

c) Ban của HĐND xã

- Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban có thể tổ



chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- + Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- + Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- + Ban của HĐND thảo luận;
- + Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của HĐND biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

- Báo cáo kết quả giám sát của Ban của HĐND xã phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

- Báo cáo kết quả giám sát của Ban HĐND xã được gửi đến Thường trực HĐND xã. Sau khi xin ý kiến của Thường trực HĐND xã, Ban HĐND xã ra thông báo kết quả giám sát báo cáo Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND xã và thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Tổ đại biểu HĐND khi giám sát chuyên đề được thực hiện tương tự như giám sát của Ban HĐND xã.

đ) Tùy theo tính chất mức độ nghiêm trọng của nội dung giám sát để thực hiện quy trình xem xét kết quả giám sát trên.

Điều 40. Trách nhiệm giám sát thực hiện các kiến nghị sau giám sát

Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã có thể trình HĐND xã tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng để HĐND xã xem xét, quyết định.

Chương VII

TỔ CHỨC KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 41. Kỳ họp HĐND xã

1. Kỳ họp HĐND là hình thức hoạt động chủ yếu của HĐND xã.
2. HĐND xã họp ít nhất mỗi năm hai kỳ;
3. Kỳ họp thường lệ: Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ được HĐND xã quyết định vào kỳ họp thứ nhất của năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.
4. Kỳ họp bất thường: HĐND xã họp bất thường khi Thường trực HĐND xã, Chủ tịch UBND xã hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND xã yêu cầu.
5. HĐND xã họp công khai. Khi cần thiết, HĐND xã quyết định họp kín

theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp hoặc của Chủ tịch UBND xã.

Điều 42. Kỳ họp Thường lệ

1. Tại kỳ họp thường lệ HĐND xã

a) Ban hành Nghị quyết để quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

b) Xem xét các báo cáo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 32 của Quy chế này.

c) Xem xét báo cáo kết quả giám sát, trong trường hợp cần thiết có thể ban hành Nghị quyết về vấn đề được giám sát.

d) Nghe Thường trực HĐND xã báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, báo cáo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát của HĐND xã, Thường trực HĐND xã; nghe UBND xã báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe UBMTTQ xã thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị.

2. Việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ được tiến hành như sau

a) Trước khi tổ chức Hội nghị liên tịch để chuẩn bị nội dung kỳ họp, Thường trực HĐND xã dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp trên cơ sở nghị quyết của HĐND xã và đề nghị của Chủ tịch UBND xã, các Ban của HĐND xã, đại biểu HĐND xã.

b) Chậm nhất là **40 (bốn mươi) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã chủ trì tổ chức họp liên tịch với UBND xã, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND xã, UBMTTQ xã, để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

c) Chậm nhất là **30 (ba mươi) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã báo cáo Thường trực Đảng ủy về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp.

d) Chậm nhất là **25 (hai mươi lăm) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã ban hành Thông báo dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; phối hợp với Ban thường trực UBMTTQ xã xây dựng và ban hành kế hoạch tiếp xúc cử tri.

đ) Chậm nhất là **22 (hai mươi hai) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã gửi tài liệu phục vụ tiếp xúc cử tri đến các Đại biểu HĐND xã.

e) Chậm nhất là **20 (hai mươi) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã phối hợp với Ban thường trực UBMTTQ xã, Tổ đại biểu HĐND xã

tổ chức cho Đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri tại đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu.

f) Chậm nhất là **16 (mười hai) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã gửi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Thường trực HĐND xã.

Chậm nhất là **12 (mười) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã gửi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến UBND xã.

g) Chậm nhất là **20 (hai mươi) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã quyết định triệu tập kỳ họp.

h) Chậm nhất là **15 (mười năm) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu khác của kỳ họp phải được các cơ quan hữu quan gửi đến Thường trực HĐND xã và các Ban của HĐND xã.

i) Chậm nhất là **12 (mười hai) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của HĐND xã tiến hành họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND xã được phát hành chậm nhất là **7 (bảy) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp.

k) Chậm nhất là **5 (năm) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã:

- Gửi giấy mời dự kỳ họp đến các đại biểu không phải là Đại biểu HĐND xã.
- Gửi toàn bộ tài liệu kỳ họp đến đại biểu HĐND xã.

Điều 43. Kỳ họp chuyên đề

1. Thường trực HĐND xã quyết định triệu tập kỳ họp chuyên đề chậm nhất là **7 (bảy) ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Thời gian chuẩn bị kỳ họp do Thường trực HĐND xã quyết định.

Điều 44. Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ

Kỳ họp HĐND xã cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là **30 (ba mươi) ngày** trước ngày bầu cử đại biểu HĐND xã khoá mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, HĐND xã, Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, UBND xã báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình; UBNDTTQ xã thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền trong cả nhiệm kỳ.

Điều 45. Quy định về Chủ tọa kỳ họp, Thư ký kỳ họp, trình tự thông qua dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp HĐND xã và biên bản kỳ họp.

Thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp.

Điều 46. Ban hành Nghị quyết

1. Nghị quyết của HĐND xã do Chủ tịch HĐND xã hoặc chủ tọa kỳ họp ký

chứng thực.

2. Chậm nhất là **10 (mười) ngày** kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND xã phải được Thường trực HĐND xã gửi đến Thường trực HĐND và UBND huyện.

3. Nghị quyết của HĐND xã phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Rút kinh nghiệm kỳ họp

1. Chậm nhất là **20 (hai mươi) ngày** sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã tổ chức phiên họp rút kinh nghiệm kỳ họp.

2. Tổ thư ký phục vụ kỳ họp tham mưu xây dựng báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp, chỉ ra những ưu điểm và những vấn đề cần rút kinh nghiệm, giải pháp khắc phục. Báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp được phát hành ngay sau phiên họp của Thường trực HĐND xã.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 48. Mối quan hệ với các cơ quan huyện.

1. Thường trực HĐND xã giữ mối quan hệ công tác với Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, UBND huyện và các phòng, ban của huyện.

2. Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã phối hợp và tạo điều kiện cho Thường trực HĐND huyện, UBND huyện, các Ban HĐND huyện và các phòng, ban của huyện khi về làm việc ở địa phương.

Điều 49. Mối quan hệ công tác với UBND xã, UBMTTQ xã.

1. Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã giữ mối quan hệ công tác với UBND xã, UBMTTQ xã trong việc chuẩn bị và tổ chức kỳ họp HĐND xã, phiên họp Thường trực HĐND xã, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát, phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp HĐND xã.

2. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND xã cần giải quyết giữa hai kỳ họp của HĐND xã thì Thường trực HĐND xã phối hợp với UBND xã, cơ quan có liên quan xem xét, quyết định theo quy định tại Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 50. Mối quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước khác ở địa phương

Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã và đại biểu HĐND xã thường xuyên giữ mối quan hệ điều hòa với các cơ quan nhà nước khác ở địa phương trong các hoạt động của HĐND xã.

Điều 51. Mối quan hệ với cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu công tác và nơi ứng cử

1. Đại biểu HĐND xã là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước vi phạm kỷ

luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực HĐND xã.

2. Đại biểu HĐND xã là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước chuyển công tác đi khỏi xã thì trước khi ra quyết định chuyển chuyên, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực HĐND xã. Thường trực HĐND xã báo cáo HĐND xã và thông báo tới Ban Thường trực UBMTTQ xã, cử tri nơi bầu ra đại biểu HĐND xã đó biết về việc chuyển công tác của đại biểu.

3. Đại biểu HĐND xã là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, trước khi trình khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên phải xin ý kiến Thường trực HĐND xã bằng văn bản về kết quả thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

4. Thường trực HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã phối hợp với Thường trực HĐND, UBMTTQ các xã, thị trấn thực hiện tiếp xúc cử tri, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

Chương IX

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 52. Trụ sở làm việc và cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐND xã

1. HĐND xã làm việc cùng với trụ sở làm việc của UBND xã.
2. Cơ quan tham mưu tổng hợp và phục vụ các hoạt động của HĐND xã là Văn phòng HĐND&UBND xã.
3. HĐND xã, Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã sử dụng con dấu của HĐND xã.

Điều 53. Kinh phí hoạt động của HĐND xã được phân bổ trong ngân sách xã do Thường trực HĐND xã trình theo quy định hiện hành

Văn phòng HĐND&UBND xã giúp Chủ tịch HĐND xã trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện kinh phí hoạt động của HĐND xã theo quy định.

Điều 54. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND xã

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các quy định hiện hành.

Điều 55. Công tác thi đua, khen thưởng của HĐND xã

Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và các đại biểu HĐND xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định.

UBND xã có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng cho các

đối tượng trên theo quy định hiện hành.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Tổ chức thực hiện

HĐND xã, Thường trực HĐND xã, Ban của HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã, Đại biểu HĐND xã; UBND xã và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, UBMTTQ xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan khác của Nhà nước trên địa bàn xã có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH



Chu Thị Nhi

